

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 11/2023/DS - ST

Ngày: 26/4/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quý
2. Ông Đỗ Khắc Kiếm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 58/2022/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy L - Sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 67 M, phường L, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Nhất L - Sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 35 L, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Tuấn P (Tên thường gọi H) - Sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 67 M, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng:

Bà Chu Thị N (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 35 L, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 2019, anh Nguyễn Nhất L đã vay của gia đình chị một số tiền để kinh doanh làm ăn, việc vay tiền này có sự đồng ý bà Chu Thị N (mẹ đẻ của anh L). Do giữa hai bên có mối quan hệ tình cảm nên gia đình chị có vay tiền Ngân hàng để đưa cho anh L vay. Cụ thể như sau:

- Ngày 22/10/2019 (dương lịch), anh L vay số tiền: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và hẹn đến 22/11/2019 sẽ hoàn trả lại số tiền này.

- Ngày 31/10/2019 (dương lịch), anh L vay số tiền: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và hẹn đến 31/11/2019 sẽ hoàn trả lại số tiền này.

Tổng số tiền gốc anh Nguyễn Nhất L vay là: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận, anh L xin được khất và cam kết sẽ trả lãi hàng tháng, hai bên thống nhất số tiền lãi hàng tháng anh L phải trả là: 8.400.000 đồng/tháng. Ban đầu anh L trả tiền lãi bằng tiền mặt, sau này thì chuyển khoản vào tài khoản của mẹ chị là bà Ngô Tuấn P mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Số tài khoản: 0001014915063; Chủ tài khoản: Ngô Tuấn P). Anh L đã trả tiền lãi cho đến tháng 05/2021 (lần chuyển khoản cuối cùng vào ngày 05/6/2021) thì không trả nữa. Tổng số tiền lãi gia đình chị đã được nhận (từ tháng 11/2019 đến hết tháng 05/2021) là: 8.400.000 đồng x 19 tháng = 159.600.000 đồng. Hiện tại anh L chưa trả bất kỳ khoản nợ gốc nào liên quan đến khoản vay trên.

Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh L liên tục hẹn khất nợ nhưng đều thất hứa và đến nay vẫn không trả thêm cho chị một đồng nào kể cả tiền nợ gốc và tiền lãi. Chị đã có thông báo yêu cầu anh L thanh toán các khoản tiền nợ tuy nhiên anh L cố tình lảng tránh, không có ý định trả lại số tiền nợ gốc và lãi cho chị. Số tiền cho anh L vay là do gia đình chị đi vay Ngân hàng nên hiện tại cũng rất khó khăn.

Vì vậy, chị L đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa giải quyết: Buộc anh Nguyễn Nhất L hoàn trả đủ số tiền còn nợ cho chị với số tiền là 1.042.800.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ tháng 06/2021 đến tháng 10/2022 là: 8.400.000 đồng/tháng x 17 tháng = 142.800.000 đồng; và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Nhất L trình bày:

Anh L đồng ý với số tiền vay như nguyên đơn khởi kiện, nhưng lý do vay mượn tiền như chị L trình bày là không đúng. Nguyên nhân là do hai bên góp vốn làm ăn chung nên anh đã viết giấy vay nợ để làm tin. Mặt khác, mẹ anh (bà Chu Thị N) không liên quan gì trong việc vay nợ này, đây là chuyện làm ăn cá nhân giữa anh và gia đình chị L. Nay chị L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa buộc anh phải hoàn trả đủ số tiền còn nợ cho chị L là

1.042.800.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ tháng 06/2021 đến tháng 10/2022 là: 8.400.000 đồng/tháng x 17 tháng = 142.800.000 đồng; và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì anh không đồng ý với lý do: Hiện anh chuẩn bị đi chấp hành án nên không có thu nhập, không có khả năng thanh toán cho chị L, vì vậy anh L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Tuấn P trình bày:

Bà P hoàn toàn thống nhất với ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thùy L, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa buộc anh Nguyễn Nhất L hoàn trả đủ số tiền còn nợ cho gia đình bà số tiền là 1.042.800.000 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó: tiền gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ tháng 06/2021 đến tháng 10/2022 là: 8.400.000 đồng/tháng x 17 tháng = 142.800.000 đồng; và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Chu Thị N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Nhân không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Theo đơn khởi kiện, chị L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án dân sự đối với bị đơn là anh Nguyễn Nhất L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Tuấn P và bà Chu Thị N. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh L cho rằng anh là người vay tiền của chị L để đầu tư, không liên quan gì đến bà N, bản thân bà N cũng không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Ngoài tài liệu bà N có ký nội dung (tôi Chu Thị N đồng ý kiến trên của cháu L) trong giấy vay tiền ngày 22/10/2019, không có tài liệu nào chứng minh bà N có liên quan đến việc vay tiền và sử dụng khoản tiền vay của anh L, tại phiên tòa,

chị L và bà P cũng không cung cấp được tài liệu nào để xác định bà N có liên quan đến khoản nợ, bà P và chị L thống nhất yêu cầu người có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho chị L là anh Nguyễn Nhất L chứ không phải bà Chu Thị N. Do đó xác định bà N là người làm chứng, không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án như nội dung khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và người làm chứng là bà Chu Thị N lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Tuấn P đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn và người làm chứng là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L và bị đơn là anh Nguyễn Nhất L được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, do vậy Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung:

Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm hai giấy vay tiền:

Giấy vay tiền thứ nhất do chính anh Nguyễn Nhất L tự viết và ký, ghi rõ họ và tên vào ngày 22/10/2019 với nội dung: “Hôm nay này 22/10/2019 tôi có vay của chị Nguyễn Thùy L ở số nhà 85, Minh Khai, phường Lam Sơn, TPTH với số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn) để giải quyết công việc riêng và tôi có hẹn đến ngày 22/11/2019 sẽ hoàn trả số tiền đúng hẹn, tôi xin cam đoan số tiền trên tôi đã nhận đầy đủ và trong tình trạng sức khỏe minh mẫn, thần kinh hoàn toàn bình thường. Nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”, trong giấy vay tiền này có chữ ký của bà Chu Thị N (mẹ Nguyễn Nhất L).

Giấy vay tiền thứ hai cũng do chính anh Nguyễn Nhất L tự viết và ký, ghi rõ họ và tên vào ngày 31/10/2019 với nội dung: “Hôm nay này 31/10/2019 tôi có vay của chị Nguyễn Thùy L ở số nhà 85, Minh Khai, phường Lam Sơn, TPTH với số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) để giải quyết công việc riêng và tôi có hẹn đến ngày 31/11/2019 sẽ hoàn trả số tiền đúng hẹn, tôi xin cam đoan số tiền trên tôi đã nhận đầy đủ và trong tình trạng sức khỏe hoàn toàn bình thường. Nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”.

HĐXX xem xét về tính pháp lý của giấy vay tiền:

Thứ nhất: Giấy vay tiền vào ngày 22/10/2019 và ngày 31/10/2019 do chính anh Nguyễn Nhất L là người trực tiếp viết và ký, ghi rõ họ và tên, ghi rõ số tiền vay và thời hạn thanh toán khoản tiền vay. Đến nay anh L cũng không có ý kiến gì về giấy vay tiền này.

Thứ hai: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L cho rằng mặc dù anh viết và ký giấy vay tiền nhưng đó là do hai bên góp vốn làm ăn chung. Tuy

nhiên anh L không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho việc giữa anh và chị L góp vốn làm ăn chung với nhau, nên không có cơ sở xem xét.

Thứ ba: Quan điểm của anh L cho rằng: Anh không đồng ý với nội dung khởi kiện của chị L về việc đưa mẹ anh là bà Chu Thị N là người có liên quan trong việc vay nợ này mà đó là chuyện làm ăn giữa anh và chị L, mặt khác hiện anh sắp phải đi chấp hành án, nên không có thu nhập, không có khả năng thanh toán cho chị L, anh L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, lý do anh L đưa ra là do anh phải đi chấp hành án không có điều kiện để thanh toán khoản nợ cho chị L được, bản thân anh L cũng không có ý kiến gì về số tiền mà anh đã vay của chị L.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên. HĐXX xét thấy, Việc anh L còn nợ chị L số tiền 900.000.000đ tiền gốc là thực tế, nay chị L khởi kiện, anh L không hợp tác thỏa thuận để đưa ra phương án giải quyết, do đó chị L yêu cầu buộc anh L phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc là có căn cứ, do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xem xét về số nợ lãi: Theo các giấy vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên căn cứ vào tài liệu chứng cứ thể hiện, kể từ thời điểm vay đến ngày 05/6/2021 anh L vẫn thanh toán tiền lãi cho chị L thông qua tài khoản của bà Ngô Tuấn P, tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, mỗi tháng thanh toán 8.400.000đ (tương đương 11,2%/năm). Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Như vậy, chị L yêu cầu anh L phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán vượt lãi suất 11,2%/năm (0,933333%/tháng). Mức lãi suất này không vượt quá mức lãi suất tối đa được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên được chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi được tính từ ngày 05/6/2021 đến ngày xét xử 26/4/2023 là 22 tháng 21 ngày. Với số tiền lãi là 900.000.000đ x 22 tháng 21 ngày x 0,933333%/tháng = 190.679.931đ (Một trăm chín mươi triệu, sáu trăm bảy mươi chín ngàn, chín trăm ba một đồng chẵn).

Tổng cộng cả gốc và lãi, buộc anh Nguyễn Nhất L phải thanh toán cho chị Nguyễn Thùy L tính đến ngày xét xử sơ thẩm 1.090.679.931đ (Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, sáu trăm bảy mươi chín ngàn, chín trăm ba một đồng chẵn).

[4] **Về án phí:** Anh Nguyễn Nhất L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463; Điều 464; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thùy L.

Buộc anh Nguyễn Nhất L phải thanh toán cho chị Nguyễn Thùy L số tiền **1.090.679.931đ (Một tỷ, không trăm chín mươi triệu, sáu trăm bảy mươi chín ngàn, chín trăm ba một đồng chẵn).**

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thùy L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Nhất L không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng, anh L còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong.

Về án phí: Anh Nguyễn Nhất L phải nộp 44.720.397đ (Bốn mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thùy L số tiền tạm ứng án phí 21.642.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn đồng), theo biên lai số AA/2021/0002600 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thùy L và bà Ngô Tuấn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Nhất L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án ./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Thanh hóa;
- Chi cục THATP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tân

